

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2021

V/v: "Xin ly hôn và nuôi con"

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Võ Hoàng Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị Ngọc Th**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K.

(Chị Th có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1985

HKTT: Khu ph, thị trấn th, huyện A, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Nguyễn Văn M vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23-9-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Lưu Thị Ngọc Th** trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Nguyễn Văn M cùng nhau đi đến hôn Nhân, trên cơ sở hôn Nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15-10-2012.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên Nh là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, anh M không quan tâm chăm sóc, gia đình nên vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Mặc dù chị đã cho anh M nhiều cơ hội nhưng không có kết quả mà làm mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù hiện nay vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh M nữa nên chị quyết định ly hôn với anh M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 18-8-2013, hiện nay cháu Nh đang sống cùng vợ chồng chị.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lưu Thị Ngọc Th yêu cầu:

- Về hôn Nh: Xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M
- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 18-8-2013 và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 17-11-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh M thống nhất về hôn Nh, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Th trình bày, nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị Th:

Anh M thừa nhận, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thời gian xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng nhất là cuối năm 2019. Mặc dù hiện nay vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tuy nhiên, anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị Th muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con trưởng thành.

Về con chung: Nếu chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn với anh thì anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 18-8-2013 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh M. Anh M vắng mặt lần 2 không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23-9-2020 chị Lưu Thị Ngọc Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án Nh dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn M đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh M vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn M là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn Nh: Chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2012 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn Nh hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Th nguyên Nh là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, anh M không quan tâm chăm sóc cho gia đình, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, không ai quan tâm đến nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay và vấn đề này cũng được anh M thừa nhận, tuy nhiên anh M không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị Th nên xin hàn gắn để cùng nhau chăm sóc cho con đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh M đã kéo dài, mục đích hôn Nh không đạt được, chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M để ổn định cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn Nh và gia

đình: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Mặt khác, tại phiên hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, Toà án đã kiên trì hoà giải nhằm động viên anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng không kết quả, chị Th xác định hiện nay không còn tình cảm với anh M và vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn Nh giữa chị Th và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn Nh không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Th xin ly hôn anh M là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn Nh và Gia đình là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M 01 có con chung tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 18-8-2013. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh M thống nhất thỏa thuận giao cháu Nh cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Nh cũng có nguyện vọng được sống với chị Th theo biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 19-11-2020. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của chị Th và anh M phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn Nh và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Nh, nên HĐXX chấp nhận

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Th về quyền yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu Nh cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị Th xác định không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con và việc chị Th không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Th là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn Nh và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn Nh và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn Nh: Cho ly hôn giữa chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M là giao con chung tên Nguyễn Ngọc Nh, sinh ngày 18-8-2013 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Nh). Chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Lưu Thị Ngọc Th và anh Nguyễn Văn M cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lưu Thị Ngọc Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006719 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị Th không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Lưu Thị Ngọc Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng